

ẨN DỤ Ý NIỆM VỀ CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN THƠ NÔM PHẠM TÀI - NGỌC HOA

Ngô Bảo Tín*, Phan Nguyễn Thanh Tân**

Bài viết tập trung trình bày ẩn dụ ý niệm tiêu biểu về con người và lí giải cơ sở nghiệm thân trong truyện thơ Nôm Phạm Tài - Ngọc Hoa. Để đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ chính như phương pháp thống kê miêu tả, so sánh, nội quan và phương pháp MIP. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số ý nghĩa về lí luận về thực tiễn. Về lí luận, nghiên cứu củng cố lí thuyết của ngôn ngữ học tri nhận và tạo tiền đề cho việc khai thác ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm khuyết danh. Về thực tiễn, nghiên cứu đóng góp vào kho tàng tài liệu tham khảo, có thể được vận dụng trong việc dạy học ngữ văn, đặc biệt là những kiến thức về ẩn dụ và truyện thơ Nôm khuyết danh.

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, nghiệm thân, truyện thơ Nôm Phạm Tài - Ngọc Hoa.

This study presents the conceptual metaphor of human and explains the body experience in the Nom poetic story 'Pham Tai – Ngoc Hoa'. Descriptive statistics, comparison, introspective method and MIP method were adopted to achieve the research purposes. The results reveal some theoretical and practical significance. Theoretically, this study consolidates the theory of cognitive linguistics, and creates a premise for analyzing conceptual metaphors in anonymous Nom poetic stories. Practically, this study can be a reference material for the teaching of literature, especially the knowledge about metaphors and anonymous Nom poetic stories.

Keywords: Conceptual metaphor, body experience, Nom poetic story 'Pham Tai - Ngoc Hoa'.

1. Mở đầu

Năm 1980, George Lakoff và Mark Johnson xuất bản công trình *Metaphors we live by*, tạo tiếng vang trong giới ngôn ngữ học và làm nền tảng cho ngôn ngữ học tri nhận. Những thập niên đầu của thế kỉ XXI, ở Việt Nam, nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận trở thành một trào lưu nghiên cứu. Các nghiên cứu tập trung vào những vấn

đề ngữ nghĩa tri nhận và ngữ pháp tri nhận. Tuy nhiên, ngữ nghĩa tri nhận vẫn là đối tượng hàng đầu. Trong đó, ẩn dụ ý niệm được khai thác khá nhiều. Các công trình nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm mang tính thần kế thừa và củng cố lí thuyết. Bài viết này cũng không phải là ngoại lệ.

Mặt khác, truyện thơ Nôm là mảng ngữ liệu văn học đáng được quan tâm. Hiện nay,

* CN., Học viên cao học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

** CN., Học viên cao học Trường Đại học Cần Thơ

Email: ngobaotin.hg.2021@gmail.com

ở Việt Nam, có khá nhiều công trình nghiên cứu truyện thơ Nôm ứng dụng lí thuyết ẩn dụ tri nhận. Thế nhưng, điểm hạn chế của những công trình này là tập trung tuyệt đối vào ngữ liệu Truyện Kiều. Điều này là thiếu sót trong việc nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trên ngữ liệu truyện thơ Nôm.

Ẩn dụ ý niệm về con người là một trong những vấn đề quan trọng của ẩn dụ ý niệm thi ca. Việc khai thác ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa mang tính mới, đáp ứng yêu cầu của học thuật.

Nhằm củng cố lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận, và khắc phục hạn chế của nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận trên ngữ liệu truyện thơ Nôm, trong bài viết này, chúng tôi tập trung thống kê, phân tích ẩn dụ ý niệm về con người và lí giải cơ sở nghiệm thân của loại ẩn dụ này.

1. Cơ sở lý luận

1.1. Khái niệm ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ ý niệm được George Lakoff và Mark Johnson đề xuất. Năm 1980 - năm xuất bản công trình *Metaphors we live by*, được xem là dấu mốc cho sự ra đời chính thức của khái niệm. “*Lakoff và Turner thừa nhận rằng các ông đã sử dụng từ “ẩn dụ” một cách phi truyền thống*” (Trần Hữu Thục, 2015). Theo Trần Hữu Thục, “*Lakoff và Turner muốn tái định nghĩa ẩn dụ*” (Trần Hữu Thục, 2015), hai nhà ngôn ngữ học tri nhận thể hiện cách nhìn nhận khác về ẩn dụ. Họ muốn nhận thức lại vấn đề ẩn dụ được Aristotle đề xuất.

Theo Hán - Việt tự điển (2016), *ẩn* (隱) nghĩa là “*ẩn nấp, không hiện rõ ra*” (Thiều Chửu 2016: 922) và *dụ* (喻) nghĩa là “*bảo rõ*” (Thiều Chửu 2016: 214). Cách lí giải này tương đồng quan điểm của Trần Đình Sử (2020), theo thuật ngữ phong cách học cổ điển Trung Hoa, ông cho rằng ẩn dụ (hay còn gọi là ám dụ) là một trong ba hình thức của tỉ dụ, gồm minh dụ (A như B), ẩn dụ/ám dụ (A là B) và tá dụ (mượn B thay cho A và A vắng mặt). Ẩn dụ trong thời hiện đại gồm cả tá dụ. Ở Việt Nam, trong các nghiên cứu tu từ học, thi pháp học và phong cách học, phần lớn học giả trình bày ẩn dụ với nội hàm của tá dụ. Các phương thức A là B, A như B được gọi là so sánh. Từ đó, chúng ta thấy được sự khác biệt cơ bản giữa ẩn dụ theo quan điểm của người Trung Hoa với ẩn dụ theo quan điểm của người Việt.

Ở phương Tây, Platon là triết gia bài xích ẩn dụ. Trong *Gorgias*, ông tấn công thơ ca và ẩn dụ. Tuy nhiên, học trò xuất sắc của ông là Aristotle đã hệ thống hóa lí thuyết ẩn dụ trong *Poetics*. Theo tác giả này, ẩn dụ là một phép chuyển dựa trên mối quan hệ tương tự. Ở giai đoạn hiện đại, René Wellek và Austin Warren trong công trình *Lí luận văn học* (Theory of Literature (1949)) cho rằng ẩn dụ là loại thi ca liên tưởng dựa trên sự giống nhau. Gần với quan điểm của những học giả trên, trong *Metaphor* (2007), David Punter xem “*ẩn dụ là một quá trình “dịch” liên tục*” (it constitutes a continuing process of “translation”) (David Punter 2007: 13).

Được nhận thức lại, ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor) có thể được hiểu như một hệ thống ánh xạ, thường có tính chất đơn chiều, từ miền nguồn (source) sang miền đích (target). Ánh xạ có cấu trúc chặt chẽ, có những tương ứng bản thể. Để thuận lợi cho việc ghi nhớ những ánh xạ có trong hệ thống, hai nhà ngôn ngữ George Lakoff và Mark Johnson áp dụng chiến lược đặt tên cho ánh xạ đó: MIỀN ĐÍCH LÀ MIỀN NGUỒN.

1.2. Cơ sở nghiệm thân

Cùng với độ nổi trội (prominence view) và sự chú ý (attentional view), nghiệm thân (embodiment) trở thành một trong ba hướng nghiên cứu phổ biến của ngôn ngữ học tri nhận. Nghiệm thân được tiến hành dựa trên những cơ sở nhất định, thường phụ thuộc vào kinh nghiệm của chủ thể tri nhận và gắn liền với thân xác (body) và sự tương tác (interacion) (Lý Toàn Thắng 2015: 16). Cơ sở thân xác cho phép chủ thể tri nhận nhận diện các đối tượng qua kinh nghiệm về thân xác. Đó là hành động tri nhận dựa trên những tương ứng của cơ thể của đối tượng tri nhận với cơ thể của chủ thể tri nhận. Quá trình này được xem là quá trình tương tác giữa hai đối tượng. Thuật ngữ nghiệm thân sinh lí mang nội hàm miêu tả quá trình này. Hình thức nghiệm thân này cho thấy tính khoa học trong việc lí giải các trường hợp nghiên cứu về ý niệm không gian, thời gian, trạng thái cảm xúc, bản thể, vật chứa.

Bên cạnh đó, chủ thể tri nhận luôn hiện hữu với tư cách là một hữu thể vật chất và

có sự tương tác với các vật chất khách quan. Con người tri giác không gian bằng thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác và vị giác. Màu sắc chiếm số lượng lớn trong cuộc sống sẽ được tri nhận sớm. Dưới tác động của độ nổi trội và sự chú ý, màu sắc đen, trắng, xanh lá thường được tri nhận sớm và trở thành phổ quát trong tiềm thức nhân loại. Tương tự như ý niệm màu sắc, ý niệm không gian cũng được hình thành. Đối với tri nhận không gian, nghiệm thân sinh lí được kích hoạt đồng thời, tạo nên những mốc định vị về không gian, trong đó, con người thường đóng vai trò góc nhìn. Hay nói cách khác, cơ thể con người đóng vai trò trung gian cho những thuyết giải (construal).

“Cần có sự nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống về văn hóa và sự nghiệm thân điều này sẽ rất hữu ích cho việc khảo sát ngôn ngữ trong tư cách như một cánh cửa sổ để đi vào nhận thức/ tri nhận của con người vốn là cái được nghiệm thân (xác) và nghiệm văn hóa (enculturated)” (Lý Toàn Thắng 2015: 32). Thực chất nếu tách chủ thể tri nhận ra khỏi văn hóa thì chúng ta sẽ mất đi nhiều ý niệm. Bởi vì, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong quá trình cấu thành ý niệm. Nghiệm thân được thực hiện dựa trên các cơ sở vật chất (bao hàm thân xác) và văn hóa, với các hình thức nghiệm thân sinh lí, nghiệm thân tự nhiên, nghiệm thân xã hội, mà sản sinh ra các ý niệm. Sự tương đồng về vật chất và văn hóa cho phép các cá thể tri nhận hiểu được ý niệm của nhau và làm cơ sở cho sự phổ quát ý niệm. Con người với tư cách vừa là thực

thể tự nhiên vừa là thực thể xã hội, thường thuộc một không gian văn hóa nhất định. Vì thế, chủ thể tri nhận cũng nằm trong vùng ý niệm phổ quát. Ý niệm này là vô thức tập thể (theo cách nói của Phân tâm học).

2. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu chúng tôi áp dụng bốn phương pháp chính: Phương pháp nghiên cứu miêu tả, phương pháp nghiên cứu so sánh, phương pháp nghiên cứu nội quan và phương pháp nghiên cứu MIP.

Phương pháp nghiên cứu miêu tả được vận dụng trong việc trình bày tổng quan lí thuyết ẩn dụ ý niệm, đặc điểm của ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

Phương pháp nghiên cứu so sánh được tiến hành trong việc phân tích, nhận dạng đặc điểm của ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

Phương pháp nghiên cứu nội quan (introspection) được vận dụng phân tích ẩn dụ ý niệm và lí giải cơ sở nghiệm thân

trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

Phương pháp nghiên cứu MIP/ Phương pháp xác định ẩn dụ (Metaphor Identification Procedure) được vận dụng trong việc nhận diện ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa, gồm các bước sau:

- Bước 1: Đọc toàn ngữ liệu khảo sát truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa nhằm hướng đến sự khái quát mang tính hệ thống về ẩn dụ ý niệm trong ngữ liệu.
- Bước 2: Truy xuất các đơn vị từ vựng trong chỉnh thể khảo sát.
- Bước 3: Thiết lập ý niệm, phân tích đơn vị ngôn ngữ và tìm ra những đơn vị đáp ứng được mục đích nghiên cứu, tức căn cứ vào độ nổi trội của phân tử trong tập hợp khảo sát mà phạm trù hóa.
- Bước 4: Kết luận.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thống kê và phân tích ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa

Bảng 1. Thống kê miền nguồn và miền đích của ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

MIỀN NGUỒN	MIỀN ĐÍCH
ĐỒ VẬT	CON NGƯỜI
THỰC VẬT	
ĐỘNG VẬT	
HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (HTTN)	
ĐẮNG SIÊU NHIÊN (ĐSN)	
GIA VỊ	
VẬT THỂ TỰ NHIÊN KHÔNG CÓ SỰ SỐNG (VTTN)	
LỬA	

MIỀN NGUỒN	MIỀN ĐÍCH
VẬT CHỨA	BỤNG, LÒNG
VẬT THỂ	LỜI, LÒNG, TRÌNH TIẾT
CUỘC HÀNH TRÌNH (CHT)	ĐỜI NGƯỜI

Ở bảng 1, chúng tôi đề cập đến vật thể và vật thể tự nhiên không có sức sống (VTTN). Trong các công trình nghiên cứu trước đó, các nhà nghiên cứu thường dùng “*vật thể tự nhiên*” để biểu đạt các đối tượng như núi, đá, sỏi,... Tuy nhiên, theo chúng tôi, nội hàm của “*vật thể tự nhiên*” rộng hơn cách biểu đạt đó. Nó bao hàm cả thực vật, động vật,... Vì thế, thuật ngữ “*vật thể tự nhiên không có sự sống*” được sử dụng nhằm phân biệt với thực vật, động vật,...

Qua khảo sát, chúng tôi thu được 11 mệnh đề ẩn dụ ý niệm về con người theo cấu trúc MIỀN ĐÍCH LÀ MIỀN NGUỒN, trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa. Trong đó, hệ thống miền nguồn gồm 11 phạm trù, hệ thống miền đích bao gồm 07 phạm trù, cụ thể được trình bày ở bảng 1. Với dung lượng truyện là 928 câu thơ (Phạm Tải - Ngọc Hoa thuộc Kho tàng truyện Nôm khuyết danh, NXB Văn học, 1965), số lượng các ẩn dụ ý niệm thu được cho thấy ẩn dụ ý niệm về con người giữ vai trò quan trọng, và là một trong những ẩn dụ ý niệm chủ chốt.

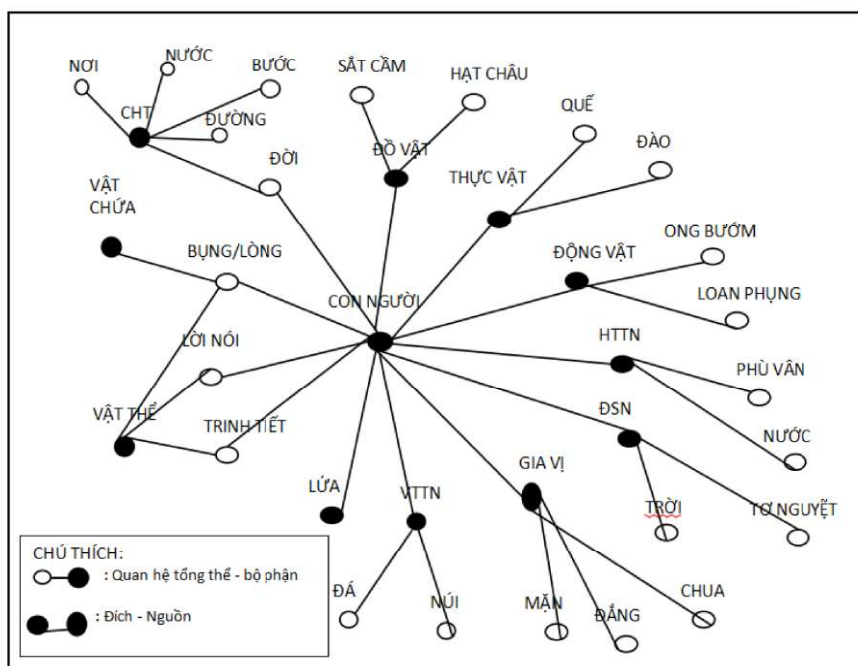
Bảng 2. Thống kê số biểu thức ngôn ngữ và số lần sử dụng miền nguồn ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

STT	Miền nguồn	Số biểu thức	Tỉ lệ (%)	Số lần sử dụng	Tỉ lệ (%)
1	Đồ vật	16	12,8	16	9,04
2	Thực vật	32	25,6	35	19,77
3	Động vật	13	10,4	13	7,34
4	HTTN	15	12	19	10,73
5	ĐSN	15	12	25	14,12
6	Gia vị	8	6,4	10	5,65
7	VTTN	3	2,4	3	1,69
8	Lửa	1	0,8	1	0,56
9	Vật chứa	3	2,4	28	15,82
10	Vật thể	2	1,6	10	5,65
11	CHT	17	13,6	17	9,60
Tổng		125	100	177	100

Về số lượng biểu thức ngôn ngữ và số lần dùng ẩn dụ ý niệm, chúng tôi thu được 125 biểu thức và 177 lần sử dụng. Trong đó, ẩn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT chiếm tỉ lệ cao nhất, với 32 (25,6%) biểu thức và 35 (19,77%) lần sử dụng. Ẩn

dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ LỬA chiếm tỉ lệ thấp nhất, với 1 (0,8%) biểu thức và 1 (0,56%) lần sử dụng. Dựa trên cứ liệu, chúng tôi có thể kết luận hình thức nghiệm thân tự nhiên là hình thức nổi trội trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

Sơ đồ 1. Sơ đồ tỏa tia về ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa



Chúng tôi đã thiết lập sơ đồ tỏa tia dựa trên mỗi quan hệ tổng thể - bộ phận, miền đích - miền nguồn. Những biểu thức ngôn ngữ được trình bày trong sơ đồ tỏa tia mang tính chất đại diện, có nghĩa là ngoài những biểu thức đó, còn khá nhiều biểu thức chưa được trình bày do giới hạn của khổ giấy. Các biểu thức tạo thành mạng lưới ẩn dụ ý niệm về con người, được gọi là ma trận miền (domain matrix). Trong đó, các mệnh đề cấu thành các tiểu hệ thống và giữa các tiểu hệ thống có mối quan hệ chặt chẽ, cấu thành hệ thống ẩn dụ ý niệm về con người. Ma trận miền đích là tập hợp

các phạm trù thành phần của hệ thống miền đích (con người và các bộ phận vật chất - tinh thần của con người như lòng, bụng, trinh tiết, lời,...). Ma trận miền nguồn là tập hợp các phạm trù thành phần của hệ thống miền nguồn (đồ vật, thực vật, động vật,...). Mặt khác, mỗi mệnh đề cũng là một tiểu hệ thống, tập hợp các tương ứng bản thể giữa hai miền. Sơ đồ tỏa tia mang tính phức cấu. Những ánh xạ có chung miền nguồn như LÒNG LÀ VẬT THỂ, LỜI NÓI LÀ VẬT THỂ, TRINH TIẾT LÀ VẬT THỂ. Những mô hình ánh xạ có chung miền đích như LÒNG LÀ VẬT

CHÚA, LÒNG LÀ VẬT THỂ. Điều này tạo nên sự trùng về miền, thể hiện sự tri nhận phong phú, tinh tế của chủ thể.

Việc chiếu xạ được thực hiện dựa trên kinh nghiệm của chủ thể tri nhận. Trong quá trình nghiệm thân, sự chú ý và độ nổi trội luôn đóng vai trò quan trọng. Đồng thời, quá trình ấy diễn ra sự tương tác giữa chủ thể tri nhận với đối tượng tri nhận. Bộ phận nổi trội của đối tượng được tri nhận, còn bộ phận kém nổi trội của đối tượng không được tri nhận hoặc tri nhận mờ nhạt. Đi đến kết luận, chúng ta khó tìm được một hệ thống tương ứng bản thể toàn vẹn.

Về mẫu sử dụng, chúng tôi thu được các mẫu thuộc về điển phạm của thi pháp trung đại. Vì thế, việc sử dụng mẫu trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa tuân theo quy tắc sáng tác của văn học trung đại, cụ thể mẫu đồ vật (chăn gối, trâm anh, hạt châu, cửa,...), mẫu thực vật (đào, liễu, hoa, táo khang,...), mẫu về động vật (ong bướm, loan phụng, hạc...), mẫu hiện tượng tự nhiên (mây tóc, lòng xuân,...),... Đồng thời, mẫu thuộc điển phạm dân gian được sử dụng hạn chế, cụ thể mẫu động vật (trâu).

Ví dụ 1: Mệnh đề CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT có các tương ứng bản thể sau:

Miền nguồn: ĐỒ VẬT	Miền đích: CON NGƯỜI	Biểu thức ngôn ngữ	Số trang
Cửa	Lòng, vận số	Mở rộng lòng, vận mở...	11,14
Tờ giấy	Phận	Thân phận mỏng như tờ	28
Ngọc	Nước mắt	Ngọc Hoa hạt ngọc chứa chan	25
Ngọc	Mặt	Mặt ngọc	11
Sắt cầm Chăn gối	Tình cảm	Sắt cầm hòa hợp bấy nay Chăn ấm gối êm	31
Hạt châu	Trẻ con	Trai già bỗng nở hạt châu	11
Vật chứa	Lòng	Phiền muộn trong lòng lo âu.	11
Vật thể	Trình tiết	Ơn nàng trình tiết ba năm vẹn toàn	41
....			

Ấn dụ ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT cho thấy sự tương tác giữa chủ thể tri nhận với đồ vật xung quanh. Những vấn đề trừu tượng như lòng dạ, vận số, tình cảm, trình tiết,... được cụ thể hóa bởi các đồ vật như cửa, tờ giấy, nén bạc, sắt cầm, chăn gối,... Điều này phản ánh nhận thức của

chủ thể về vấn đề con người. Đồng thời, phép ẩn dụ này cũng giúp người đọc tiếp nhận thuận lợi các ý niệm của chủ thể. Có những biểu thức cho phép người viết xác định cụ thể những đồ vật được quy chiếu như cửa, tờ giấy, nén bạc, sắt cầm, chăn gối,... nhưng cũng có những biểu thức tạo

nên độ mờ nhất định trong quá trình quy chiếu, người viết chỉ dựa trên một số dấu vết hiếm hoi để xác định ý niệm CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT, chứ không thể xác định cụ thể đồ vật được quy chiếu như TRINH TIẾT LÀ VẬT THỂ được xác

định dựa trên biểu thức vẹn toàn, LÒNG LÀ VẬT CHỨA TINH THẦN được xác định dựa trên các biểu thức có cấu trúc X + lòng hoặc lòng + X (trong đó X là từ ngữ chỉ cảm xúc).

Ví dụ 2: Mệnh đề CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT có các tương ứng bản thể sau:

Miền nguồn: THỰC VẬT	Miền đích: CON NGƯỜI	Biểu thức ngôn ngữ	Số trang
Đào	Má	Má đào	11, 23
Nụ hoa	Cười	Nụ vàng	12
Xuân huyên	Tuổi già	Xuân huyên sớm đã tuổi vàng xa chơi	13, 31
Hoa	Lòng	Lòng hoa	14
Quế, mai	Hồn	Giấc quế hồn mai	15, 33
Hoa	Gót	Gót hoa	26
Héo	Gan	Gan héo	33
Sắc đẹp của hoa	Nhan sắc người thiếu nữ	Hoa tàn, kém tươi	37
...			

Mệnh đề CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT là mệnh đề xuất hiện phổ biến trong các khảo sát ẩn dụ ý niệm. Số phận con người tương tự như số phận của cỏ cây, ĐỜI NGƯỜI LÀ ĐỜI CỦA CỎ CÂY, nhan sắc con người được miêu tả như sắc thái của hoa. Người đẹp là hoa tươi, người xấu/ người già là hoa tàn, các ẩn dụ ý niệm lấy hoa làm vật quy chiếu thường được dùng cho nữ giới mà đại diện là Ngọc Hoa. Tương ứng bản thể thực vật cho phép quy chiếu nội tạng con người là thực vật, gan héo chỉ trạng thái buồn bã. Con người cười gọi là nụ hoa, nụ cười. Hồn người gọi là hồn mai. Gót chân gọi là gót hoa. Con người già gọi là xuân huyên. Phần lớn các biểu thức biểu đạt mệnh đề CON NGƯỜI

LÀ THỰC VẬT được dùng để nói đến Ngọc Hoa, một số ít được dùng vào việc miêu tả tuổi tác của phụ mẫu Ngọc Hoa hoặc miêu tả tình cảm ân ái, mặn nồng (tào khang, tình nguyệt hoa,...).

Việc phân tích mệnh đề CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT, CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT cho thấy chức năng của ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa:

- Thể hiện hình tượng và bộc lộ cảm xúc.
- Tạo nên tính liên kết của văn bản, hệ thống ý niệm, sơ đồ ánh xạ, ma trận miền phản ánh tư duy logic, thống nhất trong diễn đạt.

- Miền nguồn ẩn dụ ý niệm, ý niệm được thể hiện cho phép chúng ta xác định tính chất (bác học hoặc bình dân) của truyện thơ Nôm khuyết danh.

3.2. Phân tích cơ sở nghiệm thân của ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa

Dựa trên kết quả phân tích từ 4.1, chúng tôi có thể kết luận ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa được thực hiện dựa trên các hình thức nghiệm thân sinh lí, nghiệm thân tự nhiên và nghiệm thân xã hội. Các hình thức nghiệm thân này được tiến hành dựa trên cơ sở vật chất (bao gồm thân xác) và văn hóa.

Theo các nghiên cứu hiện đại (2024), truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa được xếp vào truyện thơ Nôm khuyết danh. Vì thế, việc xác định tính chất của truyện là vấn đề nan giải. Chúng ta thừa nhận truyện thơ Nôm nở rộ vào nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Bối cảnh xã hội rối ren, mâu thuẫn giai cấp căng thẳng, nhiều xung đột vũ đột vũ trang xảy ra. Xã hội quy định tính chất nghiệm thân, con người được đặt trong bối cảnh u tối, làm bộc phát những trạng thái tâm lí. Con người có ý thức về bản ngã, bản thể và nhận thức được bản chất của xã hội. Từ đó hình thành các ẩn dụ ý niệm về con người. CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT, CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT, CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT, CON NGƯỜI LÀ VẬT CHỨA,... Trải nghiệm hữu thể cho phép chủ thể tri nhận phản ánh bản chất con người. Đặc biệt, hình tượng người phụ nữ

ở giai đoạn này trở thành hình tượng mẫu mực của dòng văn học cổ điển Việt Nam. Người phụ nữ chịu nhiều đau thương bởi chiến tranh, gia biến. Cảm xúc dồn nén, LÒNG LÀ VẬT CHỨA TINH THẦN (lòng xót xa, đau lòng, lòng giận, phiền lòng,...).

Yếu tố văn hóa vẫn giữ vai trò chi phối trong tư tưởng của con người phong kiến. Bản chất của người phương Đông là nặng tình cảm. Mặt khác, văn hóa nông nghiệp hình thành truyền thống thờ đất mẹ thiên nhiên. Dưới tác động của Tam giáo, đặc biệt là Đạo giáo, con người gần gũi với thiên nhiên, quan niệm vạn vật hữu linh. Từ đó, con người có tâm thế giao cảm với thiên nhiên, con người hòa hợp với thiên nhiên, CON NGƯỜI LÀ TỰ NHIÊN. Những ý niệm về con người với tự nhiên được tiến hành dựa trên hình thức nghiệm thân tự nhiên.

Nghiệm thân sinh lí cho phép con người đúc kết ý niệm từ xác thịt. Dựa trên nhiệt độ cơ thể, thay đổi thân nhiệt để cấu thành ý niệm về con người, CON NGƯỜI LÀ LỬA (Truyện quân hỏa tóc trắng về xứ Đông). Quan niệm vẹn nguyên chi phối nhận thức về những vấn đề trừu tượng, TRINH TIẾT LÀ VẬT THỂ, trinh tiết phải được bảo tồn vẹn nguyên (Ôn nàng trinh tiết ba năm vẹn toàn).

4. Kết luận

Dựa trên những các phương pháp nghiên cứu như miêu tả, so sánh, nghiên cứu nội quan, và nghiên cứu MIP, chúng tôi đã trình bày hai mô hình ánh xạ tiêu

biểu là CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT và CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT. Bên cạnh đó, chúng tôi thiết lập sơ đồ tỏa tia, phân tích cơ sở nghiệm thân. Kết quả thống kê là minh chứng khách quan khẳng định vai trò của ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa.

Các bản thể của miền nguồn có thể làm cơ sở cho việc truy xét tính chất của truyện thơ Nôm khuyết danh. Chúng tôi đề xuất phương thức xác định tính chất truyện thơ Nôm khuyết danh qua các bản thể của miền nguồn và ý niệm. Về cơ sở nghiệm thân, ba hình thức nghiệm thân được miêu tả, làm cơ sở cho ẩn dụ ý niệm, đó là nền tảng cho việc lí giải tư duy ngôn ngữ. Qua quá trình thống kê, phân tích hệ thống miền nguồn - miền đích, các ẩn dụ ý niệm ý niệm tiêu biểu và cơ sở nghiệm thân, chúng tôi có thể kết luận hệ thống ẩn dụ ý niệm về con người trong truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa mang tính phức cấu. Miền nguồn là những mẫu thuộc điển phạm trung đại và ý niệm thể hiện tư tưởng trung đại. Điều đó cho thấy truyện thơ Nôm Phạm Tải - Ngọc Hoa mang tính chất thiên về bác học.

Ẩn dụ ý niệm trở thành công cụ truy xuất tư duy của tác giả, có chức năng phản ánh nhận thức, cấu thành hình tượng và thể hiện cảm xúc. Các cơ sở đó tạo nên tiền đề cho việc khu biệt phong cách của tác giả. Bài viết này đánh dấu sự mở đầu cho những nghiên cứu ẩn dụ ý niệm trong truyện thơ Nôm khuyết danh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thiều Chửu (2016). *Hán - Việt tự điển*. NXB Thanh niên.

2. Nguyễn Văn Dân (2020). *Văn hóa - văn học dưới góc nhìn liên không gian*. NXB Thế giới.

3. Nguyễn Thiện Giáp (2015). *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*. NXB Giáo dục Việt Nam.

4. Kiều Thu Hoạch (2007). *Truyện Nôm: Lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*. NXB Giáo dục.

5. Lakoff, G., & Johnson. M. (2017). *Chúng ta sống bằng ẩn dụ*. Nguyễn Thị Kiều Thu dịch Việt. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Lakoff, G. (1992). *The Contemporary Theory of Metaphor*. Cambridge University Press.

7. Punter, D. (2007). *Metaphor*. Routledge 2 Park Square, Milton Park, Abingdon, Oxon OX14 4RN.

8. Pragglejaz (2007). *MIP: A Method for Identifying Metaphorically Used Words in Discourse*, *Metaphor and Symbol*, 22 (1), 1-39, Lawrence Erlbaum Associates.

9. Phạm Thị Hương Quỳnh (2023). *Ẩn dụ ý niệm trong tư duy của người Việt (khảo sát trên tư liệu ngôn ngữ đời thường của người Việt ở một số tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ)*. NXB Khoa học Xã hội.

10. Trần Đình Sử (2020). *Ẩn dụ trong truyện Kiều*. Văn học Sài Gòn. Truy cập ngày 20/11/2023, <https://vanhocsaigon.com/an-du-trong-truyen-kiieu-tran-dinh-su/>

11. Lý Toàn Thắng (2005). *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB Khoa học xã hội Hà Nội.

12. Lý Toàn Thắng (2015). *Ngôn ngữ học tri nhận: Những nội dung quan yếu*. NXB Khoa học xã hội.

13. Trần Hữu Thục (2015). *Ẩn dụ: Cuộc phiêu lưu của chữ*. NXB Người Việt.

14. Wellek, R., & Warren, A. (2009). *Lí luận văn học*. Nguyễn Mạnh Cường dịch Việt. NXB Văn học.

Phụ lục

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
1.1. CON NGƯỜI LÀ ĐỒ VẬT			
1	Vận mở	Nay mừng vận mở thái hòa Thông reo trúc hóa mai già khoe tươi	T1/Tr.11
2	Trai già bồng nở hạt châu	Trai già bồng nở hạt châu, Mới hay sở ý sở cầu bấy nay,	T1/Tr.11
3	Mặt ngọc	Sinh ra một gái tốt thay Má đào mặt ngọc tóc mây ruộm rà	T1/Tr.11
4	Mừng vui cây ngọc nở ra nụ vàng.	Tướng công yển ả sường ca Mừng vui cây ngọc nở ra nụ vàng.	T1/Tr.12
5	Nâng niu vàng ngọc trên tay, Vàng kia ve vuốt, ngọc này giấu hương.	Nâng niu vàng ngọc trên tay, Vàng kia ve vuốt, ngọc này giấu hương.	T1/Tr.12
6	Người trâm anh	Tướng công một chút hiềm hoi Tìm nơi lệch tộc chọn người trâm anh.	T1/Tr.12
7	Mở rộng lòng	Tôi là hàn sĩ nhờ thời Kêu người mở rộng lòng tôi ơn người!	T1/Tr.14
8	Sắt cầm duyên hợp	Xướng ca đàn phách ba ngày Sắt cầm duyên hợp từ nay mặn nồng	T1/Tr.20
9	Chăn ấm gối êm	Từ ngày chăn ấm gối êm Vui vầy ong bướm phi nguyên lòng xuân	T1/Tr.20
10	Ngọc Hoa hạt ngọc chứa chan	Ngọc Hoa hạt ngọc chứa chan Tôi là phận gái thì thương tôi cùng	T1/Tr.25
11	Trâm anh	Hiềm gì thiếu nữ trâm anh Mà vua lại phải ép tình tôi chi?	T1/Tr.27
12	Thân phận mỏng như tờ	Riêng thân phận mỏng như tờ Bà Nguyệt chẳng đoái ông tơ không vì!	T1/Tr.28
13	Sắt cầm	Sắt cầm hòa hợp bấy nay Thời nàng chịu chế cho đây ba đồng	T1/Tr.31
14	Ngọc bén	Khi ấy mười sáu đang vừa Trăng tròn ngọc bén vua chưa vội gì!	T1/Tr.36
15	Phận bạc nghĩa vàng	Dù tôi mà chẳng theo chàng Cũng liều phận bạc nghĩa vàng xuân huyền	T1/Tr.38, 39
16	Giọt ngọc	Thấy nhau giọt ngọc khôn cầm Ôn nàng trình tiết ba năm vẹn toàn	T1/Tr.41

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
1.2. CON NGƯỜI LÀ THỰC VẬT			
1	Thông reo trúc hóa mai già khoe tươi	Nay mừng vận mở thái hòa Thông reo trúc hóa mai già khoe tươi	T1/Tr.11
2	Má đào	Sinh ra một gái tốt thay Má đào mặt ngọc tóc mây rườm rà	T1/Tr.11
3	Mừng vui cây ngọc nở ra nụ vàng.	Tướng công yền âm sướng ca Mừng vui cây ngọc nở ra nụ vàng.	T1/Tr.12
4	Mận đào	Thoắt thôi Ngọc Hoa bước vào Trách duyên sao khéo mận đào lửa hương!	T1/Tr.13
5	Xuân huyên	Sơn Tây có Phạm Tải chàng Xuân huyên sớm đã suối vàng xa chơi	T1/Tr.13
6	Lòng hoa	Ngọc Hoa nghe cửa dứt lời Tự nhiên chuyển động bời bời lòng hoa	T1/Tr.14
7	Đừng hỏi nước mây	Chàng nghe ủ mặt chau mày Thưa rằng: “ Đừng hỏi nước mây , tôi phiền”.	T1/Tr.14
8	Hoa nguyệt	Nghĩ mình thời vận gian truân Thờ ơ hoa nguyệt ôn nhuần văn chương	T1/Tr.14
9	Giấc quế hồn mai Động đào	Có đêm giấc quế hồn mai Thấy chàng quân tử xa chơi động đào .	T1/Tr.15
10	Phòng hương	Càng trông càng lắm chiêm bao Rõ chàng quân tử đã vào phòng hương .	T1/Tr.15
11	Cớ sao ủ liễu, phai đào? Kém tươi nhan sắc, con sao võ vàng?	Cớ sao ủ liễu, phai đào? Kém tươi nhan sắc, con sao võ vàng?	T1/Tr.15
12	Tủi phần thẹn hương	Hay là tủi phần, thẹn hương Thời con khá nói mẹ cha biết cùng?	T1/Tr.15
13	Tình nguyệt hoa	Hồ cùng thiên địa cao xanh Hồ cùng phận gái ra tình nguyệt hoa	T1/Tr.16
14	Nhời ăn tiếng nói muôn vàn tốt tươi.	Hình dung phong nhã đoan trang Nhời ăn tiếng nói muôn vàn tốt tươi.	T1/Tr.16
15	Muối dưa	Ở cùng cậu mợ sớm trưa Dám nài cay đắng muối dưa cực lòng!	T1/Tr.18
16	Duyên hương	Cơ trời phận lửa duyên hương Bồng đầu bốn bể thư hương một nhà	T1/Tr.19
17	Má phần	Tạc xong ba tháng vừa rồi Lung ong má phần tựa người tiên cung	T1/Tr.22
18	Má đào	Nàng nghe tỏ hết khúc nhôi Tóc mây rũ rối, mực bôi má đào .	T1/Tr.23

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
19	Rụng rời	Phạm Tài nghe nói rụng rời Than rằng: “Trời khéo trên người đường này”	T1/Tr.23
20	Tao khang	Chồng tôi đi ở bên ngoài Tôi vào trong kiểu lối nhờ tao khang	T1/Tr.25
21	Gót hoa	Khâm sai tâu thượng hoàng gia Tâu rằng: “Nàng đã gót hoa vào châu”	T1/Tr.26
22	Đông liễu tây đào	Xưa còn đông liễu tây đào Nay mừng tiên đã lọt vào bồng lai	T1/Tr.27
23	Gan héo	Cho nên gan héo ruột rầu Khôn tìm phép quý khôn cầu phép tiên!	T1/Tr.33
24	Hồn mai	Nàng vừa than thở một giây Hồn mai phút đã téch rày âm cung	T1/Tr.33
25	Kém tươi	Ngọc Hoa thăm thiết thương chồng Cơm ăn chẳng được má hồng kém tươi	T1/Tr.36
26	Nước non âu sầu	Mẹ cha rắp cây chúng con Ai ngờ con bỏ nước non âu sầu !	T1/Tr.37
27	Hoa tàn	Hoa tàn nước mắt tuôn rầu Tướng công kén chọn vườn sau táng chàng	T1/Tr.37
28	Tao khang	Vì tham vua có binh quyền Tao khang nữ phụ chẳng yên những là	T1/Tr.38
29	Tướng công phẳng phát hồn hoa	Tướng công phẳng phát hồn hoa Ngập ngừng nước mắt xót xa đoạn trường!	T1/Tr.39
30	Lá vàng còn ở trên cây Lá xanh rụng xuống trời hay chẳng trời?	Lá vàng còn ở trên cây Lá xanh rụng xuống trời hay chẳng trời?	T1/Tr.39
31	Hoa tàn hương bay	Hóa công thật khéo đa đoan Nỡ nào luống để hoa tàn hương bay	T1/Tr.40
32	Xuân huyên	Dù tôi mà chẳng theo chàng Cũng liều phận bạc nghĩa vàng xuân huyên	T1/Tr.38, 39
33	Huyên già	Than ôi! Xuân cỗi huyên già Cây ai định tình phụng thờ trung hiếu	T1/Tr.40
34	Xuân huyên	Có thiên thượng vàng hồng soi xét Nhớ xuân huyên thăm thiết trong lòng!	T1/Tr.42
35	Chân tay rụng rời	Chí tôn sao ở chẳng ngay? Trang Vương nghe nói chân tay rụng rời	T1/Tr.44

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
1.3. CON NGƯỜI LÀ ĐỘNG VẬT			
1	Tăm kình cáo thô sạch không	Tăm kình cáo thô sạch không Có nhà Trần thị xứ Đông, Thanh Hà	T1/Tr.11
2	Tin ong sứ điệp cũng đà lấm nơi.	Xuân thu tuổi mới mười ba Tin ong sứ điệp cũng đà lấm nơi.	T1/Tr.12
3	Rầy ong mai bướm gái trai cũng buồn!	Song con chưa đẹp duyên hài Rầy ong mai bướm gái trai cũng buồn!	T1/Tr.13
4	Loan phụng	Ước ao loan phụng sánh bầy Đề ta nuôi lấy chàng rầy kéo thương.	T1/Tr.15
5	Ong bướm	Từ ngày chẵn ăm gối êm Vui vầy ong bướm phi nguyên lòng xuân	T1/Tr.20
6	Lưng ong	Tạc xong ba tháng vừa rồi Lưng ong má phần tựa người tiên cung	T1/Tr.22
7	Rồng cá	Khâm sai chột thấy Ngọc nhi Bảo rằng: “ Rồng cá gặp thì mây nước	T1/Tr.24
8	Chồng loan vợ phượng	Để làm hoàng hậu chính ngôi Chồng loan vợ phượng bằng đời Hán gia	T1/Tr.27
9	Gà rừng dù muốn làm công	Gà rừng dù muốn làm công Sợ khi nhẩy múa rưng lông tức thì!	T1/Tr.28
10	Én Bắc nhận Nam	Bây giờ én Bắc nhận Nam Giã nàng ở lại dương gian anh về!	T1/Tr.32
11	Chớ nghe cáo thỏ chur quan Phượng hoàng đầu lại đứng ăn với gà	Chớ nghe cáo thỏ chur quan Phượng hoàng đầu lại đứng ăn với gà	T1/Tr.35
12	Tuổi hạc cao vời	Mẹ cha tuổi hạc cao vời Nỡ nào con lại xa chơi suối vàng	T1/Tr.38
13	Trâu	Bền đòi quý sứ liền sai Dầu trâu lên đến điện đài lâu cao	T1/Tr.44
1.4. CON NGƯỜI LÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN			
1	Chưa ai kể hậu nổi dòng	Chưa ai kể hậu nổi dòng Đêm ngày phiền muộn trong lòng lo âu.	T1/Tr.11
2	Tóc mây	Sinh ra một gái tốt thay Má đào mặt ngọc tóc mây rườm rà	T1/Tr.11
3	Lại sa nước mắt hai hàng như mưa	Nghĩ đi nghĩ lại nỗi chàng Lại sa nước mắt hai hàng như mưa	T1/Tr.15

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
4	Chông khôn thì nổi cơ đồ	Chông khôn thì nổi cơ đồ Nhược bằng chông đại vũ phu, nặng mình	T1/Tr.19
5	Lòng xuân	Từ ngày chẵn ấm gối êm Vui vầy ong bướm phi nguyên lòng xuân	T1/Tr.20
6	Xuân xanh	Xuân xanh tuổi mới mười ba Khuyên thành quốc sắc, xin vua thu dùng	T1/Tr.22
7	Tóc mây	Nàng nghe tỏ hết khúc nhôi Tóc mây rũ rối, mực bôi má đào.	T1/Tr.23
8	Trút hài Trút vòng	Trút hài đi đất xem sao Áo thời xóc xếch vạt cao, vạt dài Trút vòng tay bỏ hoa tai Dời chân liền bước ra ngoài một khi	T1/Tr.24
9	Mây nước	Khâm sai chợt thấy Ngọc nhi Bảo rằng: “Rồng cá gặp thì mây nước ”	T1/Tr.24
10	Rạng mình	Biện Điền khắp khởi mừng sao Rạng mình và lại giải lao báo thù	T1/Tr.27
11	Sâu nông	Cho người đòi hỏi Ngọc Hoa Sâu nông mới giải gần xa ngân này	T1/Tr.12
12	Sâu nông	Nghe vua chỉ phán phân minh Nàng liền quỳ xuống tâu trình sâu nông	T1/Tr.27
13	Cuộc đời như áng phù vân	Cuộc đời như áng phù vân Lại nhiều nghiệp chướng trầm luân mê đồ	T1/Tr.28
14	Mặt trời lặn quả bóng trắng khôn vì	Nữ nhi phận phải chữ tòng Mặt trời lặn quả bóng trắng khôn vì.	T1/Tr.29
15	Lòng xuân xanh	Ngọc Hoa ôm lấy mình chồng Khóc than kẻ lẻ sự lòng xuân xanh	T1/Tr.33
16	Xuân xanh	Tôi niên thiếu tuổi hèn thơ dại Còn xuân xanh tuổi mới mười ba	T1/Tr.35
17	Trăng tròn	Khi ấy mười sáu đang vừa Trăng tròn ngọc bén vua chưa vội gì!	T1/Tr.36
18	Xuân cỗi	Than ôi! Xuân cỗi huyền già Cậy ai định tình phụng thờ trung hiếu	T1/Tr.40
19	Đơn bạc nước mây	Vua Trang thấy Ngọc Hoa này Trách nàng đơn bạc nước mây hời nàng!	T1/Tr.45
1.5. CON NGƯỜI LÀ ĐÁNG SIÊU NHIÊN			
1	Muôn dân cũng phục thánh quân trùng trùng.	Bát thiên thu bát thiên xuân Muôn dân cũng phục thánh quân trùng trùng.	T1/Tr.11
2	Lòng trời	Một ngày thông thả viễn hành Lòng trời xui lạc vào thành phú nhân	T1/Tr.13
3	Ông tơ	Hay đâu sự bởi ông tơ Xui lòng con luống ngẩn ngơ đêm ngày	T1/Tr.17

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
4	Nguyệt lão	Tướng công kể hết niềm tây Trước mặt Nguyệt lão , sau rày mặt con	T1/Tr.19
5	Nguyệt lão	Tiền duyên xưa tích chữ đồng Ấy chẳng Nguyệt lão tơ hồng xe cho	T1/Tr.20
6	Giời	Giời làm một trận phong ba: Năm mươi kẻ cướp ngã ra đầy đồng	T1/Tr.21
7	Thiên công	Thiên công còn tựa tướng công Biện Điền trở lại trong lòng uất thay!	T1/Tr.21
8	Người tiên cung	Tạc xong ba tháng vừa rồi Lưng ong má phấn tựa người tiên cung	T1/Tr.22
9	Thánh hoàng Ngọc nàng như tiên	Nhờn nhờ trước mặt thánh hoàng Vua Trang trông kỹ Ngọc nàng như tiên.	T1/Tr.26
10	Người tiên lại gặp bạn tiên	Người tiên lại gặp bạn tiên Tôi là hàn sĩ đạo hiền quân bao.	T1/Tr.28
11	Bà Nguyệt chẳng đoái ông tơ không vì!	Riêng thân phận mỏng như tờ Bà Nguyệt chẳng đoái ông tơ không vì!	T1/Tr.28
12	Diêm La	Dạo này kể chuyện Ngọc Hoa Từ ngày chi nẻo Diêm La âm thầm	T1/Tr.41
13	Diêm Vương	Vợ chồng đến điện Diêm Vương Sau trước mọi đường phục vọng tâu qua	T1/Tr.42
14	Con trời Thiên tử	Phạm Tãi vốn thực con trời Nhẽ thì thiên tử chính ngôi chương tòa	T1/Tr.43
15	Quỷ sứ	Bền đòi quỷ sứ liền sai Dầu trâu lên đến điện đài lầu cao	T1/Tr.44
16	Quỷ sứ	Đạp thành phá cửa bước vào Quỷ sứ mới hỏi đầu nào Trang Vương?	T1/Tr.44
17	Diêm Vương	Ở sao lỗi đạo cương thường Diêm Vương sai bắt Trang Vương việc này	T1/Tr.44
18	Diêm Vương	Liền bỏ ngai rồng không ngồi Diêm Vương đã đòi chẳng dám ngồi lâu	T1/Tr.44
19	Diêm La	Ở đây ta xuống Diêm La Hai quỷ theo gót bước ra đi liền	T1/Tr.44
20	Diêm Vương	Diêm Vương liền hỏi sau xưa Thuyền chung mới phán một giờ thông dong	T1/Tr.45
21	Diêm Vương	Diêm Vương vâng lệnh sắc trời Cải hiệu Chu Quốc nổi đòi Trang Vương	T1/Tr.46
22	Diêm Vương	Vợ chồng bái tạ bước ra Bền quỳ bái tạ chương tòa Diêm Vương	T1/Tr.46

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
23	Quý sứ	Hai bên đứng dãy hai hàng Bên sai quý sứ dọn đường đưa lên	T1/Tr.46
24	Diêm Vương	Vợ chồng từ thấy mặt nhau Làm đơn mới đến cáo châu Diêm Vương	T1/Tr.47
25	Diêm Vương	Oan kia lỗi tại vua Trang Diêm Vương xem trạng tỏ tường liền tâu	T1/Tr.47
1.6. BỤNG/ LÒNG/ THÂN (CƠ THỂ) LÀ VẬT CHỨA TÌNH THẦN			
1	Phiền muộn trong lòng lo âu.	Chưa ai kể hậu nỗi dòng Đêm ngày phiền muộn trong lòng lo âu.	T1/Tr.11
2	Sợ cha con tưởng dễ lòng	Sợ cha con tưởng dễ lòng Như chàng Sơn Bá thiết công sinh thành!	T1/Tr.16
3	Lòng phiền	Vì đâu phải bước lao đao? Chàng sa nước mắt thấp cao lòng phiền.	T1/Tr.16
4	Chạnh lòng	Thấy người quân tử chính chuyên Chạnh lòng lấy gạo cùng tiền đem cho.	T1/Tr.16
5	Lòng dấn đo	Đạo hiền kinh thánh trông mong Hay đâu cậu mợ ra lòng dấn đo.	T1/Tr.18
6	Cam lòng dạ	Tao làm cho Phạm lìa Trần Mới cam lòng dạ bỏ lìa chê tao	T1/Tr.21
7	Một dạ Một lòng	Năm mươi kẻ cướp mượn về Cùng theo một dạ cùng ghi một lòng	T1/Tr.21
8	Đền lòng	Đứa nào giết được tướng công Vàng cho mười nén đền lòng báo kia	T1/Tr.21
9	Trong lòng uất thay	Thiên công còn tựa tướng công Biện Diên trở lại trong lòng uất thay!	T1/Tr.21
10	Lòng thảo	Tướng công muôn đội ơn trù Mà nay ở chẳng hết lòng thảo ngay	T1/Tr.22
11	Lòng phiền	Ngọc Hoa thăm thiết lòng phiền Trách vua sao nữ ép duyên Châu Trần?	T1/Tr.24
12	Định lời trân trọng ghi lòng	Định lời trân trọng ghi lòng Nhờ vàng đã rắp ở trong dạ vàng	T1/Tr.25
13	Lòng phiền	Nàng nghe mặt ủ lòng phiền Vội vàng tỏ hết căn nguyên mọi đường	T1/Tr.19
14	Lòng càng xót xa!	Mười ngày dãi nắng dầm sương Phạm chàng trông thấy lòng càng xót xa!	T1/Tr.25
15	Vua xem lòng đã vui vầy trước sau	Làm xong y thử đặt bày Vua xem lòng đã vui vầy trước sau	T1/Tr.30

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
16	Lòng thương	Ví dụ nàng có lòng thương Xin nàng giữ lấy hương lửa sau này.	T1/Tr.31
17	Ruột rầu	Cho nên gan héo ruột rầu Khôn tìm phép quý khôn cầu phép tiên!	T1/Tr.33
18	Giận lòng	Ngọc Hoa nghe nói giận lòng	T1/Tr.34
19	Lòng vua muốn kết giao hòa	Lòng vua muốn kết giao hòa Tôi xin về nhà chịu chế ba đông	T1/Tr.36
20	Cực lòng	Năm ngày về đến huyện Đông Mẹ cha đón rước cực lòng than ôi!	T1/Tr.36, 37
21	Yên lòng	Mặn mà hương khói đêm ngày Thờ chồng chốn ấy khi nay yên lòng	T1/Tr.37
22	Lòng tôi thương xót chẳng khuây sự chàng	Ba năm hết tóc tang này Lòng tôi thương xót chẳng khuây sự chàng	T1/Tr.37, 38
23	Đau lòng	Tiền phi đã tềch cung mây Đau lòng áy náy đêm ngày xót xa	T1/Tr.40
24	Đau lòng	Ba quân cảm cảnh đau lòng Duyên kiếp vợ chồng người đã hồi qua	T1/Tr.41
25	Lòng xót xa	Trang Vương nước mắt rờn rờn Như dao cắt ruột trong lòng xót xa	T1/Tr.41
26	Thảm thiết trong lòng	Có thiên thương vàng hồng soi xét Nhớ xuân huyền thảm thiết trong lòng!	T1/Tr.42
27	Lòng cũng chẳng hiền hòa	Lại thêm một đũa Biện Điền Hại người lòng cũng chẳng hiền hòa hai	T1/Tr.44
28	Lòng giận	Dối nhau mà lại tìm đường Diêm Vương thấy nói trong lòng giận thay	T1/Tr.45
1.7. LÒNG LÀ VẬT THỂ			
1	Cắt lòng	Cắt lòng con bước ra ngoài Hỏi chàng nho sĩ là người phương nao?	T1/Tr.16
2	Đỡ lòng	Lòng tôi mộ đạo văn chương Người đi hành khát tìm phương đỡ lòng.	T1/Tr.18
3	Tắm lòng	Tối về kinh sử nấu nung Xiết bao khổ nhục tắm lòng bấy nay	T1/Tr.18
4	Dạ vàng	Định lời trân trọng ghi lòng Nhời vàng đã rắp ở trong dạ vàng	T1/Tr.25
5	Lòng vàng	Sơn trạch quẻ động hào ba Vợ chồng ân ái xót xa lòng vàng	T1/Tr.31
6	Lòng vàng	Ấu là duyên số bởi trời Lòng vàng quyết hẳn đẹp đôi duyên vàng	T1/Tr.35
7	Đá vàng	Đá vàng khăng khắng một lòng Cổ tay lại gói đầu chồng như xưa	T1/Tr.36

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
1.8. ĐÔI NGƯỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH			
1	Nhiều nơi đất mỗi tơ vương	Nhiều nơi đất mỗi tơ vương Kẻ thời chức trọng, người thường quan sang.	T1/tr.12
2	Nơi nương nhờ	Chàng thì niên thiếu bỏ cô Trách thân cay đắng thiếu nơi nương nhờ	T1/Tr.13
3	Lạc bước lỡ	Căn nguyên gia sự thế nào Xui chàng lạc bước lỡ vào đến đây?	T1/Tr.14
4	Tìm đường	Có hôm nghiêm phụ thừa lương Hướng vui đạo mất tìm đường thăm con.	T1/Tr.15
5	Chân qua đường	Tìm vào liền đến trong sân Khó khăn bàn sĩ nhờ chân qua đường	T1/Tr.16
6	Vì đâu phải bước lao đao?	Vì đâu phải bước lao đao? Chàng sa nước mắt thấp cao lòng phiền.	T1/Tr.16
7	Chi đi Nam Bắc các nơi mọi đường	Tuy nhi vâng gọi dám sai Chi đi Nam Bắc các nơi mọi đường	T1/Tr.17
8	Nơi nương nhờ	Anh em chẳng có một ai Cửa nhà thiếu thốn, hết nơi nương nhờ	T1/Tr.18
9	Căn nguyên mọi đường	Nàng nghe mặt ủ lòng phiền Vội vàng tỏ hết căn nguyên mọi đường	T1/Tr.19
10	Nơi rẽ hiền	Trượng phu gặp đáng nữ tài Ông bà mừng rỡ gặp nơi rẽ hiền	T1/Tr.20
11	Ai làm nên nổi nước này	Ai làm nên nổi nước này? Giã hết trên dưới nhà nay mọi người.	T1/Tr.25
12	Mọi đường	Đức vua muốn kết nhân duyên Giết chàng Phạm Tài cho yên mọi đường	T1/Tr.30
13	Trăm đường	Phạm Tài đau đớn trăm đường Cầm lấy tay nàng lăn khóc thở than	T1/Tr.31
14	Đôi đường	Trước là vẹn cả đôi đường Sau là định tỉnh đạo thường xuân huyền	T1/Tr.31
15	Đôi nơi	Ai làm chia rẽ đôi nơi? Giết anh tội ấy vua thời xấu xa!	T1/Tr.33
16	Đường	Vợ chồng đến điện Diêm Vương Sau trước mọi đường phục vọng tâu qua	T1/Tr.42
17	Đối nhau mà lại tìm đường	Đối nhau mà lại tìm đường Diêm Vương thấy nói trong lòng giận thay	T1/Tr.45
1.9. CON NGƯỜI LÀ GIA VỊ			
1	Thân đắng cay	Chàng thì niên thiếu bỏ cô Trách thân cay đắng thiếu nơi nương nhờ	T1/Tr.13
2	Cớ sao lại phải nhờ nhàn đắng cay?	Thấy hình tuấn tú phi thường Cớ sao lại phải nhờ nhàn đắng cay?	T1/Tr.14

STT	Biểu thức ngôn ngữ	Ngữ cảnh	Ghi chú
3	Cảm thương quân tử nhờ nhàn đắng cay	Ngọc Hoa tuwg thấy mặt chàng Cảm thương quân tử nhờ nhàn đắng cay	T1/Tr.15
4	Cay đắng	Ở cùng cậu mợ sớm trưa Dám nài cay đắng muối dưa cực lòng!	T1/Tr.18
5	Mặn nồng	Xướng ca đàn phách ba ngày Sắt cầm duyên hợp từ nay mặn nồng	T1/Tr.20
6	Đắng cay	Bước vào quỳ lạy gia đường Nước mắt hai hàng sục sùi đắng cay	T1/Tr.24
7	Chua cay	Nhời sao thảm thiết cay chua Làm cho áo não xót xa muôn phần!	T1/Tr.29
8	Chua cay	Phạm chàng trách mắng chua cay Từ sinh hữu mệnh sự nay có trời	T1/Tr.32
9	Cay chua	Năm canh rắp tưởng năm mơ Trách duyên tui phận cay chua ngậm ngùi	T1/Tr.34
10	Chua xót đắng cay	Thương song đường lòng này như cắt Nói ra càng chua xót đắng cay	T1/Tr.38
1.10. LỜI LÀ VẬT THỂ			
1	Cắm tâm tú khẩu	Thoắt thôi ướm hỏi vài bài Cắm tâm tú khẩu đáng tài trạng nguyên	T1/Tr.17
2	Nhời vàng	Định lời trân trọng ghi lòng Nhời vàng đã rắp ở trong dạ vàng	T1/Tr.25
1.11. CON NGƯỜI LÀ VẬT CHẤT TỰ NHIÊN KHÔNG CÓ SỰ SỐNG			
1	Tạc lấy mặt nàng	Đem về tạc lấy mặt nàng Tuy là mặt mộc chút thường chẳng sai	T1/Tr.22
2	Vàng đá	Tưởng là vện đạo xướng tùy Cho nên vàng đá trót thẻ bách niên	T1/Tr.28
3	Sơn hữu tình thủy hữu duyên	Sơn hữu tình, thủy hữu duyên Quy khu táng mộ cho yên sự nàng.	T1/Tr.40
1.12. CON NGƯỜI LÀ LỬA			
1	Truyền quân hỏa tốc	Khâm sai vâng lệnh quốc uy Truyền quân hỏa tốc trảy về xứ Đông	T1/Tr.23
1.13. TRÌNH TIẾT LÀ VẬT THỂ			
1	Ốn nàng trình tiết ba năm vẹn toàn	Thấy nhau giọt ngọc khôn cầm Ốn nàng trình tiết ba năm vẹn toàn	T1/Tr.41

(Ngày nhận bài: 17/01/2024; ngày duyệt đăng: 29/3/2024)